

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13- GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 20/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25/9/2025
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Văn Thảo;
- Bà Trần Thị Kìa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13-Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tường Vi – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại C N, phường A, tỉnh Gia Lai (trụ sở Ủy ban nhân dân phường A cũ), Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 98/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/9/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1996; số định danh cá nhân: 064196007028; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố B, xã Đ, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: Thôn T, xã C, tỉnh Gia Lai; có mặt;

- Bị đơn: Anh Đinh Văn T, sinh năm 1980; số định danh cá nhân: 052080002395; nơi thường trú: Tổ dân phố B, xã Đ, tỉnh Gia Lai; có mặt.

NHẬN THẤY:

1. Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Tôi và anh Đinh Văn T tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Gia Lai vào ngày 14/01/2015. Trong thời gian chung sống anh T ghen tuông vô cớ và thường xuyên đánh tôi nhiều lần. Tôi cố gắng chịu đựng vì con cho đến tháng 4 năm 2024 anh T lại tiếp tục đánh tôi, do vậy tôi dẫn con về nhà cha mẹ để sống cho đến nay. Từ khi tôi về nhà cha mẹ để sống thì anh T đăng tin trên mạng xã hội chửi bới, xúc phạm tôi nên tôi chặn số liên lạc của anh

T. Từ đó anh T cũng chưa lần nào đến nhà hay có lời lẽ gì xin lỗi tôi. Tình cảm vợ chồng cũng ngày càng lạnh nhạt, hiện nay tôi cũng không dám sống cùng với anh T vì sợ ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng và việc nuôi dạy con, do vậy tôi yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Đinh Văn T.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Đinh Thảo M, sinh ngày 10/5/2016 và cháu Đinh Ngọc Thảo V, sinh năm 03/6/2018. Từ tháng 4/2025 đến nay các con do tôi trực tiếp nuôi dưỡng, thỉnh thoảng anh T có đến cho con tôi 200.000 đến 300.000đ. Cháu M hiện đang học lớp 3, cháu V học lớp 2 đều ở Trường Tiểu học T2. Tôi làm thuê, thu nhập bình quân mỗi ngày 300.000đ nhưng. Tôi chủ động về thời gian làm việc nên có thể chăm sóc tốt cho các con, ngoài ra cha mẹ tôi có thể phụ giúp tôi đưa đón các cháu đi học. Do vậy tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hằng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ/1cháu. Thời gian từ tháng 10 năm 2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi và tự lập được.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa của bị đơn anh Đinh Văn T trình bày: Tôi và chị Nguyễn Thị H tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn vào năm 2015. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do khi tôi đi làm thì cô H đi chơi với bạn trai, còn dẫn về nhà mẹ đẻ, do vậy tôi tức giận và đánh cô H. Cô H đã về nhà cha mẹ đẻ sống cách đây khoảng một năm và chặn liên lạc với tôi. Từ lúc cô H về thì thỉnh thoảng đi ngang qua gặp các con tôi có ghé thăm các con chứ không gặp cô H. Tuy nhiên tôi không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của cô H.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu Đinh Thảo M, sinh ngày 10/5/2016 và cháu Đinh Ngọc Thảo V, sinh năm 03/6/2018. Tôi đồng ý giao cho cô H nuôi 02 con nhưng tôi không đồng ý cấp dưỡng. Nếu cô H không nuôi được thì giao cháu V cho tôi nuôi còn cô H nuôi cháu M, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13-Gia Lai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Đinh Văn T; giao cho chị H trực tiếp nuôi hai con chung là cháu Đinh Thảo M và cháu Đinh Ngọc Thảo V, buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.725.000đ/cháu, thời gian từ tháng 10/2025 cho đến khi các con đủ 18 tuổi và tự

lập được. Buộc chị H, anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Đinh Văn T; nơi thường trú: Tổ dân phố B, xã Đ, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13- Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn nên chị H yêu cầu ly hôn với anh T. Chị H và anh T đã không còn chung sống từ tháng 4 năm 2024 đến nay, trong thời gian chị H về nhà cha mẹ đẻ sinh sống, giữa chị H và anh T không liên lạc hoặc hòa giải với nhau. Anh T trình bày không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra kế hoạch gì để vợ chồng có thể hàn gắn và chung sống hạnh phúc; cả hai bên đều không cố gắng gỡ bỏ mâu thuẫn để tiếp tục chung sống cùng nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H với anh T.

[3] Về việc nuôi con: Chị H và anh T có 02 con chung là cháu Đinh Thảo M, sinh ngày 10/5/2016 và cháu Đinh Ngọc Thảo V, sinh năm 03/6/2018. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con hằng tháng, mỗi tháng 2.000.000đ/1 cháu. Anh T đồng ý giao cho chị H trực tiếp nuôi con nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Xét từ tháng 4/2024 đến nay các cháu M và V sống cùng nhau và đều do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Các cháu đều có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Chị H đang trong độ tuổi lao động, có công việc, thu nhập, ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục con. Để bảo đảm sự ổn định về tâm lý, việc học tập, sinh hoạt cho cả hai cháu nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cho chị H trực tiếp nuôi cả hai con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82, Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên, do vậy chị H yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh T không đồng ý cấp dưỡng nhưng lý do anh T nêu ra không thuộc trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật nên không chấp nhận.

Về mức cấp dưỡng: Chị H yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi 02 con, mỗi tháng 2.000.000đ/1 cháu. Hiện nay cháu M là học sinh lớp 4, cháu V là học sinh

lớp 2, xét nhu cầu thiết yếu của các cháu, mức sinh hoạt trung bình tại địa phương và thu nhập, khả năng thực tế của anh T, Hội đồng xét xử xét thấy mức yêu cầu cấp dưỡng của chị H là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về phương thức cấp dưỡng: Do các bên không thỏa thuận được về việc cấp dưỡng, do vậy cần buộc anh T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ hằng tháng.

[6] Về thời gian cấp dưỡng: Chị H yêu cầu thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 10 năm 2025 cho đến khi các cháu V, M đủ 18 tuổi và tự lập được. Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị H và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn; bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận chị Nguyễn Thị H ly hôn với anh Đinh Văn T.

2. Về việc nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi 2 con chung là cháu Đinh Thảo M, sinh ngày 10/5/2016 và cháu Đinh Ngọc Thảo V, sinh năm 03/6/2018, khi các cháu M, V chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Đinh Văn T phải cấp dưỡng nuôi con hằng tháng cho cháu Đinh Thảo M, sinh ngày 10/5/2016 và cháu Đinh Ngọc Thảo V, sinh năm 03/6/2018, mỗi tháng 2.000.000đ (*hai triệu đồng*)/1 cháu. Thời gian cấp dưỡng từ tháng 10 năm 2025, khi cháu M và cháu V chưa thành niên hoặc đã

thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị H và anh Đinh Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002153 ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Đinh Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 25/9/2025.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 13-Gia lai;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 13-Gia lai;
- UBND xã Đak Pơ để ghi vào sổ hộ tịch (số 03/2025, quyển số 01/2011(TT Đak Pơ))
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Bích Thảo

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dânThẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Văn Thảo Trần Thị K Bùi Thị Bích Thảo

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Hội thẩm nhân dânThẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Bình Trần Thị K1 Bùi Thị Bích T1